



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HS-SV ĐÃ ĐÓNG TIỀN KÝ TÚC XÁ NH 2016-2017

Thời gian thu: 01/07/2016 - 19/09/2016

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
1	15473	15000686	Phạm Công	Danh	Nam	30/08/1997	15CĐ-CĐ1	15CĐ	5	
2	15694	15000470	Thiều Quốc	Hữu	Nam	25/08/1997	15CĐ-CĐ1	15CĐ	5	
3	15064	15002530	Đỗ Trọng	Thịnh	Nam	13/12/1997	15CĐ-CĐT2	15CĐ	5	
4	15035	15002625	Huỳnh	Hùng	Nam	16/06/1997	15CĐ-CTM2	15CĐ	5	
5	15276	15002354	Phạm Thanh	Hải	Nam	07/07/1997	15CĐ-CTM3	15CĐ	5	
6	15771	15002712	Trần Kim	Anh	Nam	02/06/1997	15CĐ-CTM4	15CĐ	5	
7	14873	15002453	Hồ Thúc	Quý	Nam	25/09/1997	15CĐ-CTM4	15CĐ	5	
8	14081	15002775	Đinh Viết	Lượng	Nam	09/09/1996	15CĐ-CTM5	15CĐ	10	
9	15030	15000650	Nguyễn Đình	Duy	Nam	7/3/1995	15CĐ-ĐĐT1	15CĐ	5	
10	15489	15000523	Lê Tuấn	Khang	Nam	01/11/1997	15CĐ-ĐĐT1	15CĐ	5	
11	15138	15000580	Vương Quốc Bảo	Thông	Nam	22/5/1997	15CĐ-ĐĐT1	15CĐ	5	
12	15284	15000910	Trương Phi	Kiệt	Nam	18/12/1997	15CĐ-ĐĐT2	15CĐ	5	
13	15072	15001080	Mai Ngọc	Long	Nam	12/04/1997	15CĐ-ĐĐT2	15CĐ	5	
14	15073	15001079	Mai Chấn	Phong	Nam	19/12/1997	15CĐ-ĐĐT2	15CĐ	5	
15	15285	15000911	Nguyễn Minh	Quang	Nam	25/11/1996	15CĐ-ĐĐT2	15CĐ	5	
16	15182	15001252	Nguyễn Công	Thoại	Nam	15/6/1995	15CĐ-ĐĐT3	15CĐ	5	
17	15158	15001813	Nguyễn Thế	Anh	Nam	10/11/1996	15CĐ-ĐĐT4	15CĐ	5	
18	14645	15001801	Hồ Ngọc	Lênh	Nam	12/09/1997	15CĐ-ĐĐT4	15CĐ	5	
19	15475	15001856	Trần Thanh	Tâm	Nam	02/10/1997	15CĐ-ĐĐT4	15CĐ	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
20	15606	15001805	Nguyễn Xuân	Vĩnh	Nam	02/11/1997	15CĐ-ĐĐT4	15CĐ	5	
21	15712	15002248	Cao Minh	Lực	Nam	16/09/1997	15CĐ-ĐĐT5	15CĐ	5	
22	14745	15001992	Phạm Phương Thanh	Phong	Nam	10/08/1997	15CĐ-ĐĐT5	15CĐ	5	
23	15329	15002151	Võ Đức	Thiện	Nam	26/05/1997	15CĐ-ĐĐT5	15CĐ	5	
24	14993	15002770	Trần Văn	Lưu	Nam	19/01/1997	15CĐ-ĐĐT7	15CĐ	5	
25	15526	15003144	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	20/12/1997	15CĐ-ĐĐT7	15CĐ	5	
26	14929	15002882	Trần Thế	Bảo	Nam	20/03/1997	15CĐ-ĐĐT8	15CĐ	5	
27	14575	15002881	Kim Ngọc Xi	Đene	Nam	09/02/1996	15CĐ-ĐĐT8	15CĐ	5	
28	14759	15002994	Lâm	Hữu	Nam	23/05/1997	15CĐ-ĐĐT8	15CĐ	10	
29	15636	15002843	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	19/12/1997	15CĐ-ĐĐT8	15CĐ	5	
30	14965	15002920	Trần Minh	Thuận	Nam	21/05/1997	15CĐ-ĐĐT8	15CĐ	5	
31	14749	15002917	Phạm Đức	Trí	Nam	11/06/1997	15CĐ-ĐĐT8	15CĐ	5	
32	15770	15001854	Huỳnh Quốc	Danh	Nam	14/12/1996	15CĐ-ĐL2	15CĐ	5	
33	15399	15001955	Phạm Duy	Liêu	Nam	15/01/1997	15CĐ-ĐL2	15CĐ	5	
34	15777	15002268	Nguyễn Văn	Luyến	Nam	20/11/1997	15CĐ-ĐL2	15CĐ	5	
35	15474	15003304	Trang Minh	Tiến	Nam	21/11/1995	15CĐ-ĐL3	15CĐ	5	
36	14961	15001111	Lê Thị Mỹ	Kiều	Nữ	24/09/1997	15CĐ-MTT1	15CĐ	5	
37	15307	15000972	Hàng Tuyết	Sương	Nữ	19/12/1997	15CĐ-MTT1	15CĐ	5	
38	15186	15001561	Trần Thị Hồng	Thắm	Nữ	14/02/1997	15CĐ-MTT1	15CĐ	5	
39	15273	15000408	Lê Thị Hoài	Thương	Nữ	29/07/1996	15CĐ-MTT1	15CĐ	5	
40	15720	15001033	Trần Tấn	Vinh	Nam	01/01/1997	15CĐ-MTT1	15CĐ	5	
41	15274	15001824	Võ Thị Thu	Hương	Nữ	22/06/1997	15CĐ-MTT2	15CĐ	5	
42	15060	15002280	Nguyễn Thị Xuân	Nương	Nữ	01/04/1997	15CĐ-MTT2	15CĐ	5	
43	15058	15002281	Nguyễn Thị Nghị	Xuân	Nữ	01/04/1997	15CĐ-MTT2	15CĐ	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
44	15136	15002884	Thạch Thị	Ni	Nữ	04/5/1995	15CĐ-MTT3	15CĐ	5	
45	14754	15000818	Hồng Song	Toàn	Nam	03/09/1997	15CĐ-Ô1	15CĐ	5	
46	14270	15002299	Nguyễn Đình	Tùng	Nam	28/04/1997	15CĐ-Ô1	15CĐ	5	
47	14684	15000665	Đỗ Quốc	Dương	Nam	23/03/1997	15CĐ-Ô2	15CĐ	5	
48	14731	15002075	Đặng Minh	Trí	Nam	20/05/1997	15CĐ-Ô2	15CĐ	5	
49	15062	15000469	Phạm Trung	Hiếu	Nam	06/06/1997	15CĐ-Ô3	15CĐ	5	
50	15600	15002675	Đỗ Võ Duy	Khương	Nam	15/07/1997	15CĐ-Ô3	15CĐ	5	
51	14673	15002826	Nguyễn Liêu	Pháp	Nam	19/10/1997	15CĐ-Ô3	15CĐ	5	
52	14566	15000575	Đặng Nguyễn	Phương	Nam	01/09/1997	15CĐ-Ô3	15CĐ	5	
53	15326	15001089	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	19/01/1997	15CĐ-Ô4	15CĐ	5	
54	15332	15001068	Hà Minh	Sơn	Nam	18/02/1995	15CĐ-Ô4	15CĐ	5	
55	14896	15003510	Nguyễn Bùi Như	Ý	Nam	14/01/1997	15CĐ-Ô4	15CĐ	5	
56	15164	15001244	Bạch Minh	Tiến	Nam	23/07/1993	15CĐ-Ô5	15CĐ	5	
57	14471	15001073	Trần Quốc	Vinh	Nam	23/09/1997	15CĐ-Ô5	15CĐ	5	
58	14542	15002988	Võ Xuân	Anh	Nam	09/09/1997	15CĐ-TM1	15CĐ	5	
59	15803	15002406	Nguyễn Thành	Lập	Nam	16/04/1996	15CĐ-TM2	15CĐ	5	
60	15458	15002673	Lê Thanh	Hải	Nam	15/06/1997	15CĐ-TP2	15CĐ	5	
61	15323	15002677	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	17/09/1996	15CĐ-TP2	15CĐ	5	
62	15768	15001399	Trần Minh	Mẫn	Nam	05/07/1996	15CĐ-TP3	15CĐ	5	
63	15662	15000721	Lê Văn	Quốc	Nam	26/11/1997	15CĐ-TP3	15CĐ	5	
64	14574	15003167	Nguyễn Thế	Quyền	Nam	26/05/1997	15CĐ-TP3	15CĐ	5	
65	15181	15001312	Đặng Thanh	Ân	Nam	13/09/1996	15CĐN-Ô	15CĐN	5	
66	15180	15000843	Nguyễn Tuấn	Duy	Nam	25/02/1996	15CĐN-Ô	15CĐN	10	
67	15007	15003198	Đinh Văn	Lợi	Nam	17/08/1997	15CĐN-QTD	15CĐN	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
68	15651	15001324	Nguyễn Xuân Dũng	Nam	11/11/2000	15TC-QTM	15TC	5	
69	14656	15002425	Thân Hữu Kiệt	Nam	12/07/2000	15TCN-LĐL	15TCN	5	
70	15729	15000156	Nguyễn Quang Nhật	Nam	11/11/1998	15TCN-Ô1	15TCN	5	
71	15649	15000754	Hà Triệu Ái Nhân	Nam	17/01/1997	15TCT-CK	15TCT	10	
72	15656	15000760	Lê Ngọc Khang	Nam	25/05/1996	15TCT-Đ	15TCT	5	
73	15343	15003347	Bùi Thị Kim Nhung	Nữ	24/06/1997	15TCT-MTT	15TCT	5	
74	14693	15000585	Nguyễn Thị Ái Thắm	Nữ	09/09/1997	15TCT-MTT	15TCT	5	
75	15689	15000619	Lê Hữu Duy	Nam	14/01/1997	15TCT-Ô	15TCT	5	
76	15736	15002221	Bùi Hữu Thắng	Nam	24/04/1995	15TCT-Ô	15TCT	5	
77	14309	16000719	Lý Xương Chấn	Nam	14/06/1998	16CĐ-CK1	16CĐ	10	
78	11873	16000954	Hồ Quang Trường	Nam	02/06/1998	16CĐ-CK1	16CĐ	5	
79	12035	16000758	Vi Văn Tùng	Nam	20/07/1997	16CĐ-CK1	16CĐ	5	
80	12124	16001168	Trần Quang Huy	Nam	21/03/1998	16CĐ-CK10	16CĐ	10	
81	14790	16001185	Đặng Minh Quan	Nam	18/02/1997	16CĐ-CK10	16CĐ	5	
82	13136	16001245	Nguyễn Duy Thạch	Nam	15/10/1997	16CĐ-CK10	16CĐ	5	
83	14791	16001015	Giả Hoàng Thanh	Nam	30/07/1998	16CĐ-CK10	16CĐ	5	
84	12635	16001631	Nguyễn Phú Hải Đăng	Nam	30/07/1998	16CĐ-CK11	16CĐ	5	
85	12921	16001593	Phạm Lê Lai Láng	Nam	03/05/1998	16CĐ-CK11	16CĐ	5	
86	12920	16001592	Nguyễn Văn Long	Nam	02/06/1998	16CĐ-CK11	16CĐ	5	
87	12721	16001709	Nguyễn Công Minh	Nam	17/12/1998	16CĐ-CK11	16CĐ	5	
88	12564	16001571	Phan Thanh Tân	Nam	17/03/1998	16CĐ-CK11	16CĐ	5	
89	14677	16002203	Nguyễn Thái Bảo	Nam	23/11/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
90	13141	16002093	Đỗ Minh Diện	Nam	26/12/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
91	12228	16001258	Trần Triệu Huy	Nam	18/01/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	10	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
92	13349	16002293	Trần Anh	Kiệt	Nam	19/10/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
93	13694	16002083	Võ Tuấn	Kiệt	Nam	17/09/1997	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
94	13118	16002066	Trương Văn	Nhân	Nam	29/03/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
95	13321	16002121	Trần Huy	Phúc	Nam	16/10/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
96	13323	16002214	Đặng Thanh	Phương	Nam	24/08/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
97	13166	16002119	Nguyễn Minh	Quang	Nam	16/08/1998	16CĐ-CK12	16CĐ	5	
98	13506	16002430	Nguyễn Chí	Bình	Nam	02/08/1996	16CĐ-CK2	16CĐ	5	
99	13404	16002343	Trần Khắc	Bình	Nam	10/01/1998	16CĐ-CK2	16CĐ	5	
100	13488	16002389	Nguyễn Quốc	Dương	Nam	01/01/1997	16CĐ-CK2	16CĐ	5	
101	13668	16002583	Đình Huy	Hoàng	Nam	18/10/1998	16CĐ-CK2	16CĐ	10	
102	13951	16002321	Huỳnh Minh	Lâm	Nam	19/11/1994	16CĐ-CK2	16CĐ	10	
103	15152	16002796	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	16/02/1998	16CĐ-CK3	16CĐ	5	
104	14130	16002721	Nguyễn Lê Duy	Minh	Nam	27/01/1998	16CĐ-CK3	16CĐ	5	
105	14148	16003018	Vũ Mạnh	Cường	Nam	03/04/1997	16CĐ-CK4	16CĐ	5	
106	14846	16003551	Mai Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	22/08/1998	16CĐ-CK5	16CĐ	5	
107	14705	16003492	Tai Quang	Nhật	Nam	13/10/1997	16CĐ-CK5	16CĐ	10	
108	14888	16003564	K' Nguyễn Ngọc Trường	Sơn	Nam	09/10/1998	16CĐ-CK5	16CĐ	5	
109	14314	16003168	Cao Văn	Sỹ	Nam	07/01/1998	16CĐ-CK5	16CĐ	5	
110	14646	16003463	Nguyễn Công	Trứ	Nam	05/03/1998	16CĐ-CK5	16CĐ	5	
111	12237	16001253	Chu Văn	Hạnh	Nam	19/04/1998	16CĐ-CNTT1	16CĐ	5	
112	11877	16000958	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	02/11/1998	16CĐ-CNTT1	16CĐ	5	
113	12028	16001085	Huỳnh Tấn	Trung	Nam	09/10/1998	16CĐ-CNTT1	16CĐ	5	
114	14133	16001865	Huỳnh Duy	Khải	Nam	17/02/1998	16CĐ-CNTT10	16CĐ	5	
115	12596	16001597	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	25/02/1998	16CĐ-CNTT10	16CĐ	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
116	12994	16001942	Hạ Quốc	Thắng	Nam	05/08/1998	16CĐ-CNTT10	16CĐ	5	
117	14756	16002319	Hồ Thị Xuân	Ken	Nữ	25/09/1997	16CĐ-CNTT11	16CĐ	5	
118	13068	16001973	Nguyễn Khánh	Linh	Nam	09/07/1998	16CĐ-CNTT11	16CĐ	5	
119	13021	16001949	Đoàn Đặng	Nam	Nam	10/06/1998	16CĐ-CNTT11	16CĐ	5	
120	14657	16002065	Lê Hoàng	Nam	Nam	06/09/1998	16CĐ-CNTT11	16CĐ	5	
121	14057	16002192	Nguyễn Nhựt	Quý	Nam	14/01/1998	16CĐ-CNTT11	16CĐ	5	
122	15045	16003555	Lê Thị Thu	Huệ	Nữ	09/06/1998	16CĐ-CNTT12	16CĐ	5	
123	13582	16002504	Huỳnh Thanh	Phong	Nam	30/09/1998	16CĐ-CNTT12	16CĐ	5	
124	14008	16002895	Thái Văn	Thuận	Nam	20/07/1998	16CĐ-CNTT12	16CĐ	5	
125	15048	16003606	Danh Cà	Káp	Nam	19/09/1996	16CĐ-CNTT13	16CĐ	5	
126	14517	16003360	Phạm Ngọc	Phương	Nam	18/09/1998	16CĐ-CNTT13	16CĐ	5	
127	14578	16003283	Nguyễn Duy Hoài	Thanh	Nam	16/01/1998	16CĐ-CNTT13	16CĐ	5	
128	14596	16001244	Huỳnh Minh	Kiệt	Nam	06/02/1998	16CĐ-ĐĐT1	16CĐ	5	
129	11988	16001051	Vũ Tuấn	Kiệt	Nam	15/05/1998	16CĐ-ĐĐT1	16CĐ	5	
130	12014	16001067	Đào Thị Tú	My	Nữ	28/10/1998	16CĐ-ĐĐT1	16CĐ	5	
131	12191	16000756	Đào Duy	Tùng	Nam	09/04/1997	16CĐ-ĐĐT1	16CĐ	5	
132	13385	16001091	Trương Quang	Vinh	Nam	10/05/1997	16CĐ-ĐĐT1	16CĐ	5	
133	14772	16001247	Nguyễn Thành	Công	Nam	19/11/1997	16CĐ-ĐĐT10	16CĐ	5	
134	12466	16001257	Trần Minh	Đăng	Nam	06/02/1997	16CĐ-ĐĐT10	16CĐ	5	
135	12739	16001720	Huỳnh Khánh	Duy	Nam	16/11/1998	16CĐ-ĐĐT10	16CĐ	5	
136	12520	16001531	Lê Minh	Hậu	Nam	25/10/1998	16CĐ-ĐĐT10	16CĐ	5	
137	13536	16001605	Trần Ngọc	Hiếu	Nam	24/12/1997	16CĐ-ĐĐT10	16CĐ	5	
138	14801	16001595	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	23/06/1998	16CĐ-ĐĐT10	16CĐ	5	
139	12433	16001446	Trần Lâm	Hưng	Nam	24/01/1998	16CĐ-ĐĐT10	16CĐ	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
140	13115	16002045	Nguyễn Quân Bảo	Nam	10/02/1998	16CĐ-ĐĐT11	16CĐ	5	
141	13022	16001987	Mai Thanh Hải	Nam	02/10/1998	16CĐ-ĐĐT11	16CĐ	5	
142	13554	16001885	Nguyễn Văn Hồ	Nam	26/06/1997	16CĐ-ĐĐT11	16CĐ	5	
143	13026	16001986	Phan Văn Kiệt	Nam	28/03/1997	16CĐ-ĐĐT11	16CĐ	10	
144	13099	16002060	Phạm Hữu Lập	Nam	29/12/1998	16CĐ-ĐĐT11	16CĐ	5	
145	12838	16001809	Huỳnh Nhật Minh	Nam	03/12/1997	16CĐ-ĐĐT11	16CĐ	5	
146	14798	16002262	Nguyễn Tấn Huy	Nam	23/06/1998	16CĐ-ĐĐT12	16CĐ	5	
147	13303	16002244	Nguyễn Trần Phước Vĩnh	Nam	21/08/1996	16CĐ-ĐĐT12	16CĐ	5	
148	13734	16002642	Bùi Thế Anh	Nam	06/12/1998	16CĐ-ĐĐT13	16CĐ	5	
149	13509	16002437	Đào Thanh Hùng	Nam	01/04/1996	16CĐ-ĐĐT13	16CĐ	5	
150	13463	16002382	Nguyễn Bá Nghiệp	Nam	31/12/1998	16CĐ-ĐĐT13	16CĐ	5	
151	13608	16002517	Nguyễn Anh Thư	Nam	19/07/1998	16CĐ-ĐĐT13	16CĐ	5	
152	13866	16002765	Lê Phạm Hùng Anh	Nam	21/08/1994	16CĐ-ĐĐT14	16CĐ	5	
153	14025	16002906	Ngô Khắc Bảo	Nam	18/04/1998	16CĐ-ĐĐT14	16CĐ	5	
154	14039	16002703	Võ Tấn Huy	Nam	10/10/1997	16CĐ-ĐĐT14	16CĐ	5	
155	14588	16002851	Lê Văn Lộc	Nam	12/02/1996	16CĐ-ĐĐT14	16CĐ	5	
156	15534	16002877	Huỳnh Trang Trường Thọ	Nam	01/06/1998	16CĐ-ĐĐT14	16CĐ	5	
157	13993	16002886	Đặng Tấn Vũ	Nam	01/02/1998	16CĐ-ĐĐT14	16CĐ	10	
158	14104	16002983	Lê Văn Huyền	Nam	28/12/1997	16CĐ-ĐĐT15	16CĐ	5	
159	14058	16002936	Trần Đăng Quân	Nam	14/10/1998	16CĐ-ĐĐT15	16CĐ	5	
160	14286	16003033	Lê Quang Trọng	Nam	05/02/1997	16CĐ-ĐĐT15	16CĐ	5	
161	12924	16001835	Hồ Văn Trường	Nam	10/10/1998	16CĐ-ĐĐT15	16CĐ	5	
162	14815	16002943	Mai Lâm Tùng	Nam	22/12/1998	16CĐ-ĐĐT15	16CĐ	10	
163	12925	16001834	Nguyễn Hồng Von	Nam	24/07/1998	16CĐ-ĐĐT15	16CĐ	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
164	14526	16003367	Võ Ngọc	Dinh	Nam	15/09/1997	16CĐ-ĐĐT16	16CĐ	5	
165	12607	16001089	Lê Thành	Tâm	Nam	22/08/1998	16CĐ-ĐL1	16CĐ	5	
166	11800	16000903	Lê Trung	Tín	Nam	23/10/1998	16CĐ-ĐL1	16CĐ	5	
167	12799	16001783	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	24/11/1998	16CĐ-ĐL2	16CĐ	5	
168	14666	16001826	Vũ Đức	Minh	Nam	08/02/1998	16CĐ-ĐL2	16CĐ	5	
169	15784	16002415	Nguyễn Minh	Quân	Nam	05/09/1998	16CĐ-ĐL2	16CĐ	5	
170	14199	16003069	Trần Tấn	Đạt	Nam	09/03/1998	16CĐ-ĐL3	16CĐ	5	
171	14007	16002898	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	20/11/1995	16CĐ-ĐL3	16CĐ	5	
172	14217	16002837	Đỗ Văn	Nên	Nam	06/07/1998	16CĐ-ĐL3	16CĐ	5	
173	14742	16003513	Biện Xuân	Phước	Nam	01/01/1997	16CĐ-ĐL3	16CĐ	5	
174	15195	16002966	Trần Ngọc	Thành	Nam	02/12/1998	16CĐ-ĐL3	16CĐ	5	
175	14338	16003192	Châu Phạm Hồng	Vũ	Nam	26/09/1998	16CĐ-ĐL3	16CĐ	5	
176	12603	16001602	Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	12/11/1998	16CĐ-ĐL4	16CĐ	5	
177	11820	16000921	Tạ Hoàng Yến	Linh	Nữ	17/04/1998	16CĐ-MTT1	16CĐ	5	
178	14284	16002424	Tạ Thị Mỹ	Lệ	Nữ	02/02/1998	16CĐ-MTT2	16CĐ	5	
179	13922	16002809	Phan Thị Hồng	Phúc	Nữ	29/11/1998	16CĐ-MTT2	16CĐ	5	
180	14285	16002425	Nguyễn Thị Anh	Thi	Nữ	12/09/1998	16CĐ-MTT2	16CĐ	5	
181	13985	16002876	Trần Thị Ngọc	Thu	Nữ	22/07/1998	16CĐ-MTT2	16CĐ	5	
182	13766	16002672	Nguyễn Mạnh	Trường	Nam	29/01/1998	16CĐ-MTT2	16CĐ	5	
183	14034	16002920	Nông Thị Kim	Tuyến	Nữ	12/06/1998	16CĐ-MTT2	16CĐ	5	
184	15787	16003535	Dụng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	17/11/1997	16CĐ-MTT3	16CĐ	5	
185	11597	16000774	Đặng Văn	Tài	Nam	05/02/1998	16CĐ-Ô1	16CĐ	5	
186	11567	16000743	Nguyễn Lam	Trường	Nam	17/01/1998	16CĐ-Ô1	16CĐ	5	
187	15037	16000898	Hồ Hoàng	An	Nam	06/09/1997	16CĐ-Ô10	16CĐ	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
188	13389	16000836	Nguyễn Văn	Phát	Nam	15/08/1997	16CĐ-Ô10	16CĐ	5	
189	11797	16000899	Ngô Quang	Tuấn	Nam	24/12/1998	16CĐ-Ô10	16CĐ	5	
190	14879	16000946	Trần Hoàng	Huy	Nam	18/09/1998	16CĐ-Ô11	16CĐ	5	
191	11943	16001012	Nguyễn Nhựt	Nam	Nam	19/09/1998	16CĐ-Ô11	16CĐ	5	
192	14988	16000950	Lê Quốc	Tín	Nam	06/02/1998	16CĐ-Ô11	16CĐ	5	
193	11886	16000961	Võ Văn	Toàn	Nam	31/01/1998	16CĐ-Ô11	16CĐ	5	
194	12136	16001163	Trương Quốc	Danh	Nam	04/01/1998	16CĐ-Ô12	16CĐ	5	
195	12128	16001171	Trần Tiến	Đạt	Nam	10/12/1998	16CĐ-Ô12	16CĐ	5	
196	15081	16001108	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	05/10/1998	16CĐ-Ô12	16CĐ	5	
197	15082	16001106	Trần Duy	Tâm	Nam	08/02/1998	16CĐ-Ô12	16CĐ	5	
198	12578	16001057	Lê Tấn	Việt	Nam	22/07/1998	16CĐ-Ô12	16CĐ	5	
199	12227	16001259	Nguyễn Thành	Hậu	Nam	23/04/1998	16CĐ-Ô13	16CĐ	10	
200	14989	16001292	Lý Thanh	Nhàn	Nam	28/02/1997	16CĐ-Ô13	16CĐ	5	
201	12240	16001268	Phạm Tuấn	Quốc	Nam	12/03/1998	16CĐ-Ô13	16CĐ	5	
202	12222	16001254	Nông Văn	Thuận	Nam	22/10/1997	16CĐ-Ô13	16CĐ	5	
203	12244	16001270	Nguyễn Đình	Thủy	Nam	25/09/1998	16CĐ-Ô13	16CĐ	5	
204	12242	16001269	Lưu Vĩnh	Tin	Nam	05/05/1998	16CĐ-Ô13	16CĐ	5	
205	12435	16001451	Nguyễn Thiên	Lộc	Nam	12/12/1996	16CĐ-Ô2	16CĐ	5	
206	12341	16001366	Lê Thanh	Phú	Nam	14/01/1998	16CĐ-Ô2	16CĐ	5	
207	12504	16001515	Đoàn Khải	Duy	Nam	20/06/1998	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	
208	12503	16001514	Quách Khả	Duy	Nam	07/09/1998	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	
209	12524	16001513	Huỳnh Lê Thanh	Nhựt	Nam	01/12/1998	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	
210	14411	16003253	Nguyễn Trường	Phong	Nam	08/11/1997	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	
211	12538	16001547	Lý Phước Tiến	Tài	Nam	27/02/1998	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
212	15013	16001621	Đỗ Lâm Tiến	Thông	Nam	10/03/1997	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	
213	12497	16001511	Phạm Trí	Tuệ	Nam	10/1/1998	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	
214	12587	16001589	Trịnh Văn	Tùng	Nam	01/07/1997	16CĐ-Ô3	16CĐ	5	
215	12814	16001794	Tào Tấn	Đạt	Nam	09/12/1998	16CĐ-Ô4	16CĐ	5	
216	12820	16001801	Nguyễn Xuân	Duy	Nam	18/09/1998	16CĐ-Ô4	16CĐ	5	
217	12716	16001703	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	09/10/1998	16CĐ-Ô4	16CĐ	5	
218	15595	16003673	Hồ Ngọc	Toàn	Nam	18/07/1997	16CĐ-Ô4	16CĐ	5	
219	14497	16003266	Nguyễn Đức	Dương	Nam	17/09/1998	16CĐ-Ô5	16CĐ	5	
220	12957	16001925	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	04/08/1998	16CĐ-Ô5	16CĐ	5	
221	12945	16001914	Nguyễn Bảo	Lộc	Nam	07/05/1998	16CĐ-Ô5	16CĐ	5	
222	15364	16002088	Lê Hoàng	Long	Nam	13/03/1998	16CĐ-Ô5	16CĐ	5	
223	13116	16002046	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	30/05/1998	16CĐ-Ô5	16CĐ	5	
224	13095	16002058	Nguyễn Ngọc	Phúc	Nam	14/01/1998	16CĐ-Ô5	16CĐ	5	
225	15737	16002265	Huỳnh Quang	Chính	Nam	10/08/1996	16CĐ-Ô6	16CĐ	5	
226	13519	16002445	Trần Mạnh	Phát	Nam	01/03/1998	16CĐ-Ô7	16CĐ	5	
227	13453	16002388	Nguyễn Toàn	Quốc	Nam	01/02/1998	16CĐ-Ô7	16CĐ	5	
228	14908	16002622	Trần Bá	Hoàn	Nam	13/11/1998	16CĐ-Ô8	16CĐ	5	
229	13738	16002641	Đỗ Thành	Nhân	Nam	29/11/1998	16CĐ-Ô8	16CĐ	5	
230	13743	16002651	Trần Quốc	Thanh	Nam	06/02/1998	16CĐ-Ô8	16CĐ	10	
231	14195	16002887	Nguyễn Hoài	Bảo	Nam	22/12/1998	16CĐ-Ô9	16CĐ	5	
232	14367	16003217	Nguyễn Thành	Danh	Nam	24/01/1998	16CĐ-Ô9	16CĐ	5	
233	14688	16003487	Mai Văn	Hóa	Nam	03/06/1998	16CĐ-Ô9	16CĐ	5	
234	12363	16001207	Võ Thị Út	Liên	Nữ	20/11/1997	16CĐN-KTD	16CĐN	5	
235	15321	16003647	Hoàng Vũ	Long	Nam	03/04/1998	16CĐN-LĐL	16CĐN	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
236	13423	16002136	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	20/12/1998	16CĐN-Ô1	16CĐN	5	
237	14426	16002307	Trần Văn	Hùng	Nam	05/12/1998	16CĐN-Ô1	16CĐN	5	
238	15705	16001444	Lê Tấn Vũ	Khương	Nam	10/01/1997	16CĐN-Ô1	16CĐN	5	
239	15125	16001577	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	30/01/1998	16CĐN-Ô1	16CĐN	5	
240	12884	16001858	Đinh Duy	Quân	Nam	28/01/1998	16CĐN-Ô1	16CĐN	5	
241	14344	16003197	Nguyễn Văn	Minh	Nam	02/10/1998	16CĐN-Ô2	16CĐN	5	
242	13455	16001821	Nguyễn Trần Hoàng	Oanh	Nữ	04/05/1998	16TC-MTT	16TC	5	
243	10511	16000011	Lê Đức	Anh	Nam	13/12/2001	16TC-Ô1	16TC	5	
244	13375	16001231	Nguyễn Thanh	Thành	Nam	15/10/1990	16TC-Ô2	16TC	5	
245	14734	16003512	Đỗ Trọng	Nhân	Nam	05/01/1998	16TC-QTM	16TC	5	
246	10509	16000119	Chu Đức	Hùng	Nam	15/03/2001	16TCN-CKL	16TCN	5	
247	12417	16001433	Nguyễn Bình Đinh	Phương	Nam	25/10/1999	16TCN-CKL	16TCN	5	
248	12113	16001159	Lê Duy	Thành	Nam	07/06/2001	16TCN-LĐL2	16TCN	5	
249	12088	16000478	Trần Hữu	Phúc	Nam	03/07/1999	16TCN-Ô2	16TCN	10	
250	12863	16000303	Trần Hoài	Tú	Nam	13/01/2001	16TCN-QTM1	16TCN	5	
251	14937	16003579	Nguyễn Hoàng	Ngọc	Nam	27/06/2001	16TCN-QTM2	16TCN	5	
252	12647	16000675	Trần Quốc	Khánh	Nam	05/09/1998	16TCT-Đ	16TCT	10	
253	13789	16002682	Đặng Huỳnh Chính	Liêm	Nam	03/02/1998	16TCT-Đ	16TCT	5	
254	12351	16001271	Phạm Hoàng	Long	Nam	05/12/1998	16TCT-Đ	16TCT	5	
255	14618	16003442	Nguyễn	Mạnh	Nam	10/09/1998	16TCT-Đ	16TCT	5	
256	14107	16002984	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	16TCT	5	
257	14702	16003180	Lâm Văn	Tân	Nam	02/12/1997	16TCT-Đ	16TCT	5	
258	15002	16003477	Nguyễn Đình	Thi	Nam	14/04/1998	16TCT-Đ	16TCT	5	
259	12700	16001692	Nguyễn Trọng	Thuận	Nam	13/05/1998	16TCT-Đ	16TCT	5	

STT	Số phiếu	Mã SV	Họ đệm Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	KHÓA, HỆ	SỐ THÁNG ĐÓNG	GHI CHÚ
260	14554	16003392	Nguyễn Thị Anh Đào	Nữ	19/11/1998	16TCT-MTT	16TCT	5	
261	14836	16000712	Phùng Nguyễn	Nam	05/03/1998	16TCT-Ô	16TCT	5	
262	15040	16003118	Nguyễn Văn Anh Núi	Nam	10/01/1996	16TCT-Ô	16TCT	5	
263	14215	16003065	Phạm Thị Linh	Nữ	28/04/1998	16TCT-QTM	16TCT	5	
264	15183	16002762	Lê Thái Văn	Nam	26/09/1997	16TCT-QTM	16TCT	5	
265	12159	16001187	Vương Thành Danh	Nam	20/06/1997	16TN-Ô	16TN	5	
266	12678	16001632	Trần Văn Hiếu	Nam	30/01/1997	16TN-Ô	16TN	5	
267	15011	16003475	Quảng Đại Siêu	Nam	14/09/1998	16TN-Ô	16TN	5	
Tổng cộng: 267 HS-SV									

Vậy: - HS-SV khóa mới (khóa 2016) đã đóng tiền ở Ký túc xá NH 2016-2017 : 191 HS-SV
- HS-SV khóa cũ (khóa 2015 về trước) đã đóng tiền ở Ký túc xá NH 2016-2017: 76 HS-SV;
(Trong đó HS-SV nữ : 24 HS-SV, HS-SV nam : 243 HS-SV)

NGƯỜI LẬP BẢNG

(Đã ký)

Trần Thị Thảo Vân

TP. HCM, ngày 20 tháng 09 năm 2016
PHÒNG KẾ HOẠCH- TÀI CHÍNH

(Đã ký)

Nguyễn Kinh